

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA**

Tuyên Quang, năm 2022

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
 - 1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo
 - 1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH
 - 2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào
 - 2.1.1. Tầm nhìn
 - 2.1.2. Sứ mạng
 - 2.1.3. Mục tiêu chiến lược
 - 2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của khoa Văn hóa – Du lịch
 - 2.2.1. Tầm nhìn
 - 2.2.2. Sứ mạng
 - 2.3. Mục tiêu của chương trình
3. CHUẨN ĐẦU RA
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
 - 5.1. Thông tin tuyển sinh
 - 5.2. Quy trình đào tạo
 - 5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY
 - 6.1. Đội ngũ giảng viên
 - 6.2. Cơ sở vật chất
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
 - 7.1. Các phương pháp dạy học
 - 7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
 - 8.1. Quy trình đánh giá
 - 8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
 - 9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

9.2. *Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*

9.3. *Nội dung chương trình*

9.4. *Kế hoạch giảng dạy*

9.5. *Bản đồ dạy học*

9.6. *Tóm tắt nội dung học phần*

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM
ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12. PHỤ LỤC

12.1. *Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt*

12.2. *Bộ Đề cương chi tiết học phần*

12.3. *Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)*

12.4. *Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)*

12.5. *Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).*

1.THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tân Trào, phù hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động của địa phương, của vùng kinh tế, tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng của quốc gia và quốc tế; đối sánh với các chương trình của các Trường Đại học khác trong. Đến nay, chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa đã được rà soát, chỉnh sửa 3 lần theo đúng quy trình đánh giá chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/4/2015.

Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ đại học năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1008/QĐ-ĐHTT ngày 23/10/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, định hướng thực hành nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ, năng lực tự chủ. Trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên có năng lực tự học, tự

ngiên cứu để học tập suốt đời. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu đào tạo, các chuẩn đầu ra thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp, nội dung chi tiết chương trình đào tạo, kế hoạch thực hiện và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **Quản lý văn hóa**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **Cultural Management**
- Mã ngành đào tạo: **7229042**
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
- + Tiếng Việt: Cử nhân Quản lý văn hóa
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Cultural Management
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của khoa Văn hóa – Du lịch, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.2. Sứ mạng

TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

Chất lượng đào tạo là yếu tố cốt lõi để tồn tại và phát triển bền vững.

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Văn hóa - Du lịch sẽ trở thành trung tâm phát triển văn hóa - du lịch bền vững, góp phần phát triển xã hội.

2.2.2. Sứ mạng

Khoa Văn hóa - Du lịch là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân Quản lý văn hóa, có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức nền tảng và kiến thức tổng hợp về Kinh tế - Xã hội, Quản lý văn hóa; kiến thức chuyên sâu về Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc đáp ứng nhu cầu xã hội, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng, phát triển và hội nhập.

Từ mục tiêu chung, Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa hướng tới đào tạo người học đạt được các mục tiêu cụ thể (viết tắt là MT) như sau:

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

MT2: Nắm vững kiến thức đại cương, cơ sở về văn hóa, khoa học xã hội và nghệ thuật; các quy định liên quan đến khoa học quản lý và quản lý Nhà nước trong hoạt động văn hóa;

MT3: Có kiến thức toàn diện về văn hóa - nghệ thuật tiêu biểu trong thực tiễn để phục vụ cho hoạt động Quản lý văn hóa; Kiến thức chuyên sâu về một trong ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc;

MT4: Có kỹ năng thực hành nghề; có quan điểm nhất quán khi thực hiện giải quyết một trong ba vấn đề: Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc;

MT5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có phong cách làm việc khoa học, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý văn hóa, người học phải đạt được những yêu cầu sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
CDR 2	Vận dụng kiến thức đại cương, cơ sở về khoa học xã hội, văn hóa, nghệ thuật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, khoa học quản lý để hoạt động trong chuyên ngành Quản lý văn hóa.
CDR 3	Tổng hợp kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành để làm việc hiệu quả lĩnh vực Quản lý văn hóa và chuyên sâu một trong ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật;

	Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CDR 4	Thực hiện các chương trình thông tin tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, sự kiện, trưng bày nghệ thuật (biểu diễn độc lập hoặc theo nhóm dưới hình thức: ca, múa, nhạc... chú trọng yếu tố địa phương).
CDR5	Đánh giá về công tác quản lý hoạt động văn hóa và chuyên sâu một trong ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc.
Kỹ năng mềm	
CDR 6	Vận dụng tốt tổ hợp các kỹ năng (giao tiếp, thuyết trình, làm việc cá nhân, làm việc nhóm, viết báo cáo, ...), giải quyết các vấn đề, các tình huống trong quá trình thực tế, thực hành nghề Quản lý văn hóa.
CDR 7	Vận dụng kỹ năng đặc trưng của Quản lý văn hóa và chuyên sâu một trong ba chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc để dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
CDR 8	Sử dụng máy tính, khai thác mạng Internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Powerpoint,...) phục vụ công tác chuyên môn.
CDR 9	Vận dụng kiến thức giao tiếp tiếng Anh cơ bản để trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, diễn đạt một số tình huống chuyên môn thông thường.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR 10	Làm việc trong những môi trường khác nhau; chủ động học tập để cập nhật những kiến thức mới; năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.
CDR 11	Thực hiện hướng dẫn, giám sát người khác và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý văn hóa.
CDR 12	Định hướng, bảo vệ kết luận chuyên môn trong việc lập kế hoạch tổ chức quản lý, xây dựng các chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật liên quan đến lĩnh vực quản lý văn hóa.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý văn hóa trình độ đại học, người học có các cơ hội việc làm như sau:

Sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công tác tại các tổ chức văn hóa nghệ thuật thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay nước ngoài:

- Công tác tại Sở và Phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan thuộc các Bộ, Ngành có chức năng xây dựng chính sách văn hóa và tổ chức Quản lý văn hóa;

- Làm việc tại các công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, và các thiết chế văn hóa khác; làm việc tại bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp;

- Thành lập các công ty biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện, mở các phòng tranh (gallery) hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelance) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật.

- Làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo liên quan tới lĩnh vực văn hóa, Quản lý văn hóa.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, có đủ sức khỏe để học tập.

5.2. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường, 1 học kỳ thực hành nghề và thực tập tốt nghiệp tại cơ sở. Cuối khóa, sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2017 của Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định 1838/QĐ-ĐHTTr, Quyết định số 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo tại đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội tụ đủ các tiêu chuẩn theo Theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quyết định 660/QĐ-ĐHTTr ngày 25/9/2017 của Trường Đại học Tân Trào sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định 1838/QĐ-ĐHTTr, Quyết định số 344/QĐ-ĐHTTr ngày 06/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào ban hành quy định đào tạo tại đại học – cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHTTr ngày 26/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên của khoa đều có trình độ từ Thạc sĩ trở lên (02 Tiến sĩ, 3 NCS, 8 thạc sĩ). Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các Phó giáo sư từ các trường đại học danh tiếng của Việt Nam (02 PGS, 2 Tiến sĩ). Đội ngũ thỉnh giảng từ doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm thực tế. Đáp ứng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, chuyên môn sâu, toàn diện gắn với thực tế nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần nâng cao chất lượng, phát triển và hội nhập.

Khoa Văn hóa - Du lịch có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa. Hiện tại, khối lượng công việc, thời gian làm việc và định mức giờ chuẩn của giảng viên được thực hiện căn cứ vào Quy định chế độ làm việc của giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-ĐHTTr ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào. Nhà trường quy định cụ thể về việc quy đổi giờ chuẩn (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh.

Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục thu hút các GV có trình độ cao, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ tốt các hoạt động đào tạo ngành Kế toán.

6.2. Cơ sở vật chất

Khoa Văn hóa - Du lịch được bố trí 01 phòng làm việc được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, hệ thống điện, điều hòa, quạt, mạng wifi toàn trường...

Hiện nay, nhà trường có 45 phòng học tiêu chuẩn, 02 hội trường lớn, 22 phòng thực hành, thí nghiệm trong đó có 02 phòng thực hành bao gồm 01 phòng thực hành máy tính và 01 phòng thực hành nhạc cụ. Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ bảng chống lóa, máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera giám sát, hệ thống phòng máy tính gắn máy lạnh góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo, các trang thiết bị thường được bổ sung định kỳ. Tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Nhà trường có 03 phòng nghiên cứu tài liệu chuyên sâu - phòng học nhóm, các khu học tập thể, hệ thống wifi một số khu vực trong khuôn viên Nhà trường giúp sinh viên có môi trường tự học và làm việc nhóm tốt hơn, phát huy tối đa hiệu quả của công tác tự học, tự nghiên cứu trong sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có 01 khu thể dục - thể thao với 01 nhà tập thể dục đa năng, sân bóng đá nhân tạo, sân bóng chuyền, bóng rổ...

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phù hợp giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần trong các phương pháp dạy học thể hiện ở đề cương chi tiết học phần (thuyết trình, tổ chức thảo luận, thực hành, thực tế; hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu...), làm bài tập hoặc vận dụng các phương pháp khác theo đặc thù của học phần phát huy tính tích cực của người học, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Cụ thể như sau:

Bảng 1. Hình thức và phương pháp giảng dạy

Hoạt động dạy học	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar	<ul style="list-style-type: none">- Thuyết giảng- Bài học- Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán- Trình diễn mẫu- Luyện tập & thực hành- Phỏng vấn
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng nào của giảng viên, các học phần được chọn lựa trong CTĐT có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên dựa trên vấn đề, người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất về kinh phí và nguồn lực khác cho hoạt động học tập các học phần thực tập 1,2, khóa luận tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu- Giải quyết vấn đề- Học tập thực tế- Nghiên cứu tình huống
Học tập trải nghiệm	Các học phần trong chương trình đào tạo được thiết kế học tập trải nghiệm như các môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành sinh viên được trang bị học tập tại phòng thực hành hoặc thực tế lại thực địa, thực tập tại cơ sở thực tập.	<ul style="list-style-type: none">- Mô phỏng- Hình ảnh tập trung- Đóng vai- Mô hình- Thực tế- Trải nghiệm

Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, làm thực nghiệm nhóm, thực tập cơ sở, tham quan thực tế và khóa luận tốt nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, thiết kế trong học phần khóa luận tốt nghiệp, trình bày khóa luận, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo thực hành, trình bày hồ sơ thực hành và học tập tự do.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công công việc cá nhân - Viết báo cáo, khóa luận - Tập luyện - Tự học, tự nghiên cứu

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa được rà soát định kỳ ít nhất 2 năm/lần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015). Từ khi mở mã ngành năm 2016, CTĐT ngành Quản lý văn hóa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh 3 lần vào các năm 2017, 2018 và 2020 theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng tháng Khoa xây dựng kế hoạch và triển khai công tác dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy và nghiệp vụ sư phạm. Kết thúc mỗi tháng, Khoa tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các giờ giảng được dự trong tháng.

Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên. Kết quả khảo sát được gửi về Khoa và tới từng giảng viên.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Việc đánh giá sinh viên được thực hiện theo Quy định Đào tạo Đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần ban hành kèm theo Quyết định số 2209/QĐ-ĐHTT ngày 18/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí được quy định tại Điều 4, Quy định Đào tạo Đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTT, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ đã

được nhà trường chấp nhận (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần theo thang điểm 4 mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy được đánh giá bằng các điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá người học dựa trên chuẩn đầu ra của học phần và khối lượng kiến thức tương ứng với các tín chỉ trong học phần. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá cụ thể được đề cập trong đề cương chi tiết của các học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ;
- Kiến thức ngành: 33 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ;
- Thực tập: 08 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ.

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kỹ năng					VMĐTC VTN		
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	Cứng			Mềm		C Đ R 11	C Đ R 12	
							C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10			
A. Kiến thức giáo dục đại cương														
I. Lý luận chính trị														
LL2.1.040.3	Triết học Mác – Lênin	2												
LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2												
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ	2												

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					VMĐTC VTN		
							Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	
	Chí Minh													
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2												
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2												
II. Ngoại ngữ														
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1										2			
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2										2			
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3										3			
III. Tin học														
TN2.1.501.2	Tin học đại cương									2	3			
TN2.1.515.2	Ứng dụng CNTT trong văn hóa – du lịch			2							3			
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn														
Bắt buộc														
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2											
VD2.1.104.2	Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam		2											
Tự chọn (<i>chọn 2 trong 10 tin chỉ</i>)														
VD2.1.129.2	Dân tộc học đại cương		2											
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2									1		
TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương				2									
LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương		2											
VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới			1				2						
V. Giáo dục thể chất														
Bắt buộc														
TC2.1.001.2	GD Thể chất 1 (Boi lội)	2												
Tự chọn nhóm 1 (<i>1 x 3 tin chỉ</i>); <i>chọn 01 trong các học phần sau:</i>														

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					VMĐTC VTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	2											
TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2											
TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyên 1)	2											
TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	2											
TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	2											
TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	2											
TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2											
TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	2											
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:													
TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2											
TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2											
TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chuyên 2)	2											
TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2											
TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2											
TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2											
TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2											
TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2											
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh													
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	1											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kỹ năng					VMĐTC VTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	1											
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1											
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	1											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
VD2.1.053.2	Văn hóa dân gian Việt Nam			2					1				
VD2.1.048.2	Mỹ thuật học đại cương			2						1			
VD2.1.049.2	Âm nhạc học đại cương			2						2			
VD2.1.050.2	Múa đại cương			2						2			
VD2.1.051.2	Sân khấu học đại cương			2						2			
VD2.1.115.4	Khoa học quản lý và quản lý Nhà nước về văn hóa			2			2						
VD2.1.101.3	Nguyên tắc & PP nghiên cứu khoa học			2						1			
Tự chọn (<i>chọn 6 trong 12 tín chỉ</i>)													
XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2							2		1	
TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp		2						3				
LL2.1.022.2	Soạn thảo văn bản quản lý nhà nước		2							2			
XH2.1.062.2	Hán Nôm cơ sở		2				1					1	
VD2.1.054.2	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam			2									

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					VMĐTC VTN	
							Cứng			Mềm			
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
VD2.1.047.2	Nghệ thuật học đại cương			2									
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
VD2.1.057.3	Chính sách văn hóa				2		2						
VD2.1.061.3	Phát triển văn hóa cộng đồng				2				2				
VD2.1.062.4	Quản lý các thiết chế văn hóa				2		2			2			
VD2.1.063.3	Quản lý lễ hội và sự kiện				2		2			2			
VD2.1.064.4	Quản lý di sản văn hóa				2		2			2			
VD2.1.065.4	Công tác thông tin tuyên truyền cổ động				2					2		2	
VD2.1.135.3	Cơ sở mỹ thuật				2			2					2
KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh			2								2	
Tự chọn (<i>chọn 6 trong 8 tín chỉ</i>)													
VD2.1.120.2	Địa chí văn hoá Việt Nam				2				2				
VD2.1.121.2	Xã hội học văn hoá				2				2				
VD2.1.058.2	Công nghiệp văn hóa				2				2				
VD2.1.056.2	Văn hóa gia đình				2				2				
III. Kiến thức chuyên ngành (<i>Chọn 1 trong 3 chuyên ngành</i>)													
<i>III.1. Chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật</i>													
VD2.1.059.3	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật				2		2	2					3
VD2.1.068.3	Giáo dục nghệ thuật				2		2					2	
VD2.1.069.3	Thanh nhạc 1				2	2				2			
VD2.1.081.3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản				2	2				2			

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra													
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kỹ năng					VMĐTC VTN			
							Cứng			Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12		
VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng				2	2					2				
VD2.1.072.2	Gây quỹ và tìm tài trợ				2	2								2	
VD2.1.073.3	Quản lý mỹ thuật					2		2						2	
VD2.1.060.2	Marketing văn hóa nghệ thuật				2	2								2	
VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện					2					2			2	
VD2.1.066.4	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp						2					2			2
<i>III.2. Chuyên ngành Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo</i>															
VD2.1.074.3	QT thương hiệu						2		2					2	
VD2.1.075.3	Hình họa						2		2						2
VD2.1.076.3	Cơ sở tạo hình				2	2		2							
VD2.1.103.4	Đồ họa vi tính						2		2				2		
VD2.1.077.4	Nhiếp ảnh						2		2				2		
VD2.1.078.3	Quản trị quảng cáo				2	2		2							
VD2.1.073.3	Quản lý mỹ thuật					2		2						2	
VD2.1.079.3	Thiết kế quảng cáo						2		2				2		
VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện						2					2		2	
<i>III.3. Chuyên ngành Quản lý Hoạt động Âm nhạc</i>															
VD2.1.081.3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản				2	2						2			
VD2.1.082.2	Kí - Xướng âm				2	2						2			
VD2.1.069.3	Thanh nhạc 1				2	2						2			
VD2.1.083.3	Thanh nhạc 2				2	2						2			
VD2.1.084.3	Phân tích tác phẩm âm nhạc				2	2						2			
VD2.1.070.3	Nhạc cụ				2	2						2			
VD2.1.085.3	Âm nhạc truyền thống Việt Nam				2	2						2			
VD2.1.123.2	Âm nhạc địa phương				2	2						2			
VD2.1.066.4	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp											2			2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					VMĐTC VTN		
							Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	
VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện					2				2			2	
IV. Thực tập														
VD2.1.086.4	Thực tập 1				3	2							2	
VD2.1.087.4	Thực tập 2				3	3							2	
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
Khóa luận tốt nghiệp														
VD2.1.088.6	Khóa luận TN					3			2				2	
Học phần thay thế KLTN														
VD2.1.067.3	Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật				3	2								2
VD2.1.090.3	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng				3		2							2
Tổng số tín chỉ toàn Khóa: 130 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)														

9.3. Nội dung chương trình

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
A. Kiến thức giáo dục đại cương			30						
I. Lý luận chính trị			11						
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	3	43	2				
2	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	25	5			LL2.1.040.3	
3	LL2.1.043.2	TT Hồ Chí Minh	2	20	10			LL2.1.042.2	
4	LL2.1.044.2	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	20	10			LL2.1.043.2	
5	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội	2	29	1			LL2.1.041.2	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		khoa học							
II. Ngoại ngữ			09						
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23				
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23			NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23			NN2.1.002.3	
III. Tin học			04						
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15				
10	TN2.1.515.2	Ứng dụng CNTT trong văn hóa – du lịch	2	15	15			TN2.1.501.2	
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn			06						
Bắt buộc			04						
11	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	14	1		45		
12	VD2.1.104.2	Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2	15	15				
Tự chọn (<i>chọn 2 trong 10 tín chỉ</i>)			02						
13	VD2.1.129.2	Dân tộc học đại cương	2	25	5				
14	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	15	15				
15	TL2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	15	15				
16	LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương	2	19	11			LL2.1.040.3	
17	VD2.1.130.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	5				
V. Giáo dục Thể chất			07						
Bắt buộc			02						
18	TC2.1.001.2	GD Thể chất 1 (bơi lội)	2			30			
Tự chọn nhóm 1 (<i>1 x 3 tín chỉ</i>); <i>chọn 01 trong các học phần sau</i>			03						
19	TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41			
20	TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	3		42			
21	TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	3		4			
22	TC2.1.005.3	GD Thể chất 2	3	3		42			

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		(Cầu lông 1)							
23	TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		43			
24	TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3		3	42			
25	TC2.1.018.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3		42			
26	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4		41			
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			02						
27	TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2			30			
28	TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2			30			
29	TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chày 2)	2			30			
30	TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2			30			
31	TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28			
32	TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2		28			
33	TC2.1.019.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			30			
34	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	2			30			
VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			09						
35	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	3	45					
36	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2	30					
37	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	2	14		16			
38	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	2	4		26			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
I. Kiến thức cơ sở ngành			23						
Bắt buộc			17						
39	VD2.1.053.2	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	15	15				
40	VD2.1.048.2	Mĩ thuật học đại	2	15	15				

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		cương							
41	VD2.1.049.2	Âm nhạc học đại cương	2	15	15				
42	VD2.1.050.2	Múa đại cương	2	5	25				
43	VD2.1.051.2	Sân khấu học đại cương	2	15	15				
44	VD2.1.115.4	Khoa học quản lý và quản lý Nhà nước về văn hóa	4	28	17		45		
45	VD2.1.101.3	Nguyên tắc & PP nghiên cứu khoa học	3	27	18				
<i>Tự chọn (Chọn 6 trong 12 tín chỉ)</i>			06						
46	TL2.1.011.2	Kỹ năng giao tiếp	2	11	19				
47	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	14	16				
48	LL2.1.022.2	Soạn thảo văn bản quản lý Nhà nước	2	14	16			VD2.1.115.4	
49	XH2.1.062.2	Hán Nôm cơ sở	2	15	15				
50	VD2.1.054.2	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	23	7				
51	VD2.1.047.2	Nghệ thuật học đại cương	2	15	15				
II. Kiến thức ngành			33						
Bắt buộc			27						
52	VD2.1.057.3	Chính sách văn hóa	3	30	15			VD2.1.115.4	
53	VD2.1.061.3	Phát triển văn hóa cộng đồng	3	15			90		
54	VD2.1.062.4	Quản lý các thiết chế văn hóa	4	15	15		90	VD2.1.115.4	
55	VD2.1.063.3	Quản lý lễ hội và sự kiện	3	15			90	VD2.1.115.4	
56	VD2.1.064.4	Quản lý di sản văn hóa	4	15	15		90	VD2.1.115.4	
57	VD2.1.065.4	Công tác thông tin tuyên truyền cộng đồng	4	15	15	30			
58	VD2.1.135.3	Cơ sở mỹ thuật	3	9	36			VD2.1.048.2	
59	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh	3	30	15				

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
Tự chọn (<i>Chọn 6 trong 8 tín chỉ</i>)			06						
60	VD2.1.120.2	Địa chí văn hoá Việt Nam	2	15	15				
61	VD2.1.121.2	Xã hội học văn hoá	2	15	15			LL2.1.010.2	
62	VD2.1.058.2	Công nghiệp văn hóa	2	15	15				
63	VD2.1.056.2	Văn hóa gia đình	2	15	15				
III. Kiến thức chuyên ngành (<i>Chọn 1 trong 3 chuyên ngành</i>)			30						
<i>III.1. Chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật</i>			30						
64	VD2.1.059.3	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật	3	29	16			VD2.1.115.4	
65	VD2.1.068.3	Giáo dục nghệ thuật	3	21	9	30		VD2.1.049.2	
66	VD2.1.069.3	Thanh nhạc 1	3	3	42			VD2.1.081.3	
67	VD2.1.081.3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	3	22	23			VD2.1.049.2	
68	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng	3	22	23				
69	VD2.1.072.2	Gây quỹ và tìm tài trợ	2	15		30			
70	VD2.1.073.3	Quản lý mỹ thuật	3	17	13		45	VD2.1.048.2	
71	VD2.1.060.2	Marketing văn hóa nghệ thuật	2	15	15				
72	VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện	4	24	16	60		VD2.1.063.3	
73	VD2.1.066.4	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	4	19	41			VD2.1.049.2	
<i>III.2. Chuyên ngành Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo</i>			30						
74	VD2.1.074.3	Quản trị thương hiệu	3	19	26				
75	VD2.1.075.3	Hình họa	3	15	30				
76	VD2.1.076.3	Cơ sở tạo hình	3	15	15	30			
77	VD2.1.103.4	Đồ họa vi tính	4	10	35	30		TN2.1.501.2	
78	VD2.1.077.4	Nhiếp ảnh	4	18	12		90		

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
79	VD2.1.078.3	Quản trị quảng cáo	3	24	21				
80	VD2.1.073.3	Quản lý mỹ thuật	3	17	13		45	VD2.1.048.2	
81	VD2.1.079.3	Thiết kế quảng cáo	3	15	30			VD2.1.103.4	
82	VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện	4	24	16	60		VD2.1.063.3	
III.3. Chuyên ngành Quản lý Hoạt động Âm nhạc			30						
83	VD2.1.081.3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	3	22	23			VD2.1.049.2	
84	VD2.1.082.2	Kí - Xướng âm	2	8	22			VD2.1.081.3	
85	VD2.1.069.3	Thanh nhạc 1	3	6	39			VD2.1.049.2	
86	VD2.1.083.3	Thanh nhạc 2	3	1	44				
87	VD2.1.084.3	Phân tích tác phẩm âm nhạc	3	13	26	12			
88	VD2.1.070.3	Nhạc cụ	3	5	35	10		VD2.1.081.3	
89	VD2.1.085.3	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	15	15		45		
90	VD2.1.123.2	Âm nhạc địa phương	2	4	16		30	VD2.1.085.3	
91	VD2.1.066.4	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	4	19	41			VD2.1.049.2	
92	VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện	4	24	16	60		VD2.1.063.3	
IV. Thực tập			08						
93	VD2.1.086.4	Thực tập 1	4				200	VD2.1.115.4	
94	VD2.1.087.4	Thực tập 2	4				200	VD2.1.086.4	
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			06						
Khóa luận tốt nghiệp									
95	VD2.1.088.6	Khóa luận tốt nghiệp	6				300	VD2.1.087.4	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
96	VD2.1.067.3	Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	3	15	15		45	VD2.1.087.4	
97	VD2.1.090.3	Truyền thông đại chúng và văn hóa	3	24	11		30	VD2.1.087.4	

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		đại chúng							
Tổng số tín chỉ toàn khóa (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng-An ninh)			130						

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	LL2.1.0403	Triết học Mác – Lênin		3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
3	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
4	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2								
5	VD2.1.104.2	Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2								
6	VD2.1.101.3	Nguyên tắc & Phương pháp nghiên cứu khoa học		3	3								
7		<i>Tự chọn</i>		2	2*								
8	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)		2	2*								
9		<i>Tự chọn:</i> Giáo dục thể chất 2		3		3*							
10		GDQP – An ninh		9		9*							
11	LL2.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LL2.1.0403	2		2							
12	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3							
13	VD2.1.048.2	Mĩ thuật học đại cương		2		2							
14	VD2.1.049.2	Âm nhạc học đại cương		2		2							
15	TN2.1.515.2	Ứng dụng CNTT trong văn hóa – du lịch	TN2.1.501.2	2		2							
16		<i>Tự chọn</i>		06		6*							
17		<i>Tự chọn:</i> Giáo dục thể chất 3		3			3*						
18	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa	LL2.1.041.2	2			2						

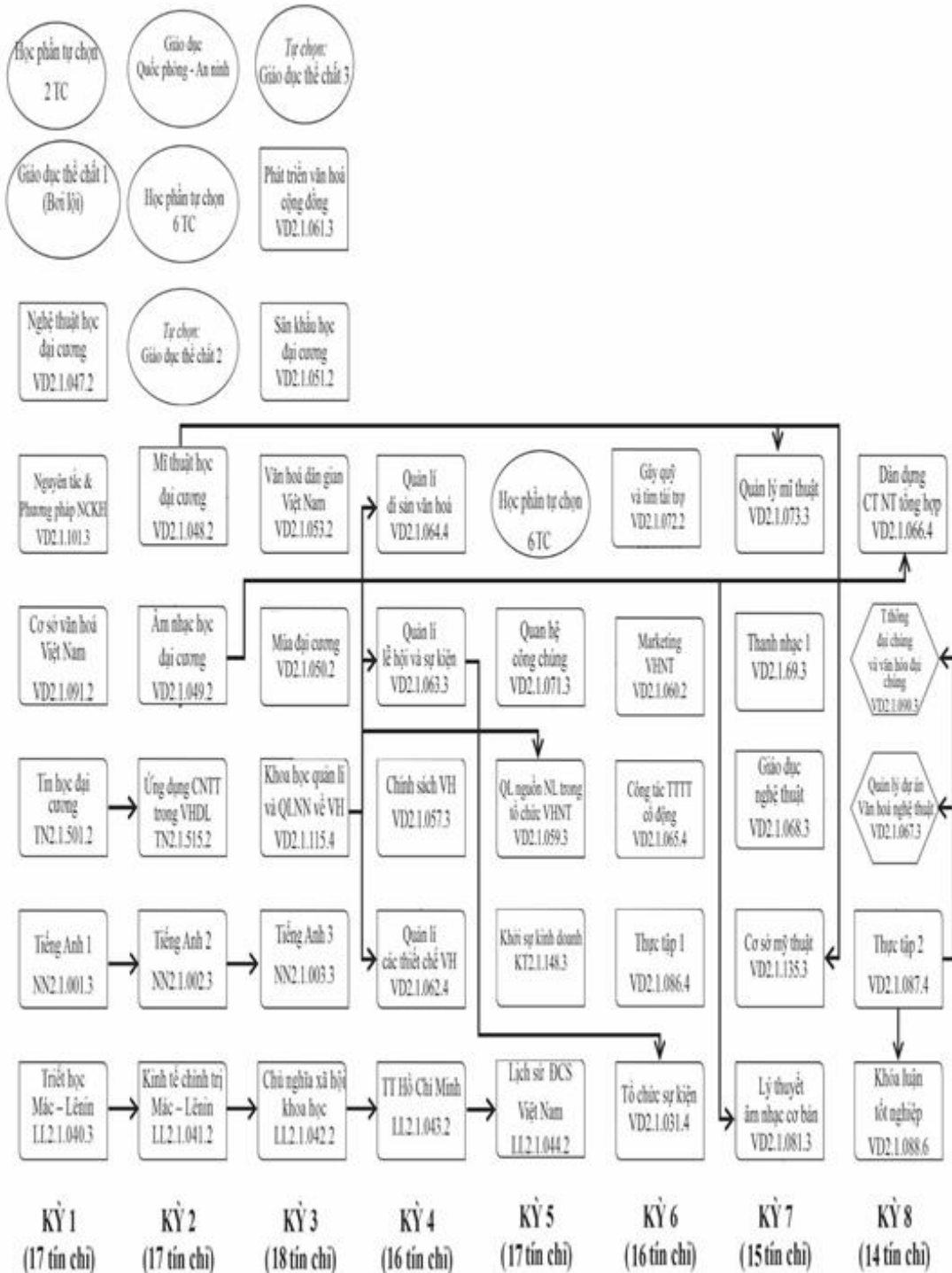
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
		học											
19	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3						
20	VD2.1.050.2	Múa đại cương		2			2						
21	VD2.1.115.4	Khoa học quản lý và quản lý Nhà nước về văn hóa		4			4						
22	VD2.1.051.2	Sân khấu học đại cương		2			2						
23	VD2.1.053.2	Văn hóa dân gian Việt Nam		2			2						
24	VD2.1.061.3	Phát triển văn hóa cộng đồng		3			3						
25	LL2.1.043.2	TT Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2				2					
26	VD2.1.057.3	Chính sách văn hóa	VD2.1.115.4	3				3					
27	VD2.1.062.4	Quản lý các thiết chế văn hóa	VD2.1.115.4	4				4					
28	VD2.1.063.3	Quản lý lễ hội và sự kiện	VD2.1.115.4	3				3					
29	VD2.1.064.4	Quản lý di sản văn hóa	VD2.1.115.4	4				4					
30		Học phần tự chọn		06					6*				
31	LL2.1.044.2	Lịch sử ĐCS Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2				
32	KT2.1.148.3	Khởi sự kinh doanh		3					3				
33	VD2.1.065.4	Công tác thông tin tuyên truyền cổ động		4						4			
34	VD2.1.135.3	Cơ sở mỹ thuật	VD2.1.048.2	3								3	
Kiến thức chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 chuyên ngành)													
Chuyên ngành Quản lý Nghệ thuật				30									
35	VD2.1.071.3	Quan hệ công chúng		3					3				
36	VD2.1.059.3	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật	VD2.1.115.4	3					3				
37	VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện	VD2.1.063.3	4						4			
38	VD2.1.060.2	Marketing văn hóa nghệ thuật		2						2			
39	VD2.1.072.2	Gây quỹ và tìm tài trợ		2						2			
40	VD2.1.081.3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	VD2.1.049.2	3								3	
41	VD2.1.069.3	Thanh nhạc 1	VD2.1.081.3	3								3	
42	VD2.1.073.3	Quản lý mỹ thuật	VD2.1.048.2	3								3	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
43	VD2.1.068.3	Giáo dục nghệ thuật	VD2.1.049.2	3								3	
44	VD2.1.066.4	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	VD2.1.049.2	4									4
Chuyên ngành Quản lý Mỹ thuật – Quảng cáo				30									
45	VD2.1.078.3	Quản trị quảng cáo		3					3				
46	VD2.1.073.3	Quản lý mỹ thuật	VD2.1.048.2	3					3				
47	VD2.1.077.4	Nhiếp ảnh		4						4			
48	VD2.1.103.4	Đồ họa vi tính	TN2.1.501.2	4						4			
49	VD2.1.075.3	Hình họa		3								3	
50	VD2.1.074.3	Quản trị thương hiệu		3								3	
51	VD2.1.076.3	Cơ sở tạo hình		3								3	
52	VD2.1.079.3	Thiết kế quảng cáo	VD2.1.103.4	3								3	
53	VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện	VD2.1.063.3	4									4
Chuyên ngành Quản lý Hoạt động Âm nhạc													
54	VD2.1.081.3	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	VD2.1.049.2	3					3				
55	VD2.1.085.3	Âm nhạc truyền thống Việt Nam		3					3				
56	VD2.1.082.2	Kí - Xướng âm	VD2.1.081.3	2						2			
57	VD2.1.031.4	Tổ chức sự kiện	VD2.1.063.3	4						4			
58	VD2.1.123.2	Âm nhạc địa phương	VD2.1.085.3	2						2			
59	VD2.1.069.3	Thanh nhạc 1	VD2.1.049.2	3								3	
60	VD2.1.083.3	Thanh nhạc 2		3								3	
61	VD2.1.084.3	Phân tích tác phẩm âm nhạc		3								3	
62	VD2.1.070.3	Nhạc cụ	VD2.1.081.3	3								3	
63	VD2.1.066.4	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	VD2.1.049.2	4									4
Thực tập 1													
64	VD2.1.086.4	Thực tập 1	VD2.1.115.4	4						4			
Thực tập 2				4									
65	VD2.1.087.4	Thực tập 2	VD2.1.086.4	4									4
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì									
					1	2	3	4	5	6	7	8		
Khóa luận tốt nghiệp														
66	VD2.10886	Khóa luận tốt nghiệp	VD2.1.087.4	6										6
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
67	VD2.1.067.3	Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	VD2.1.087.4	3										3
68	VD2.1.090.3	Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng	VD2.1.087.4	3										3
Cộng (Không tính Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng – An ninh):				130	17	17	18	16	17	16	15		14	

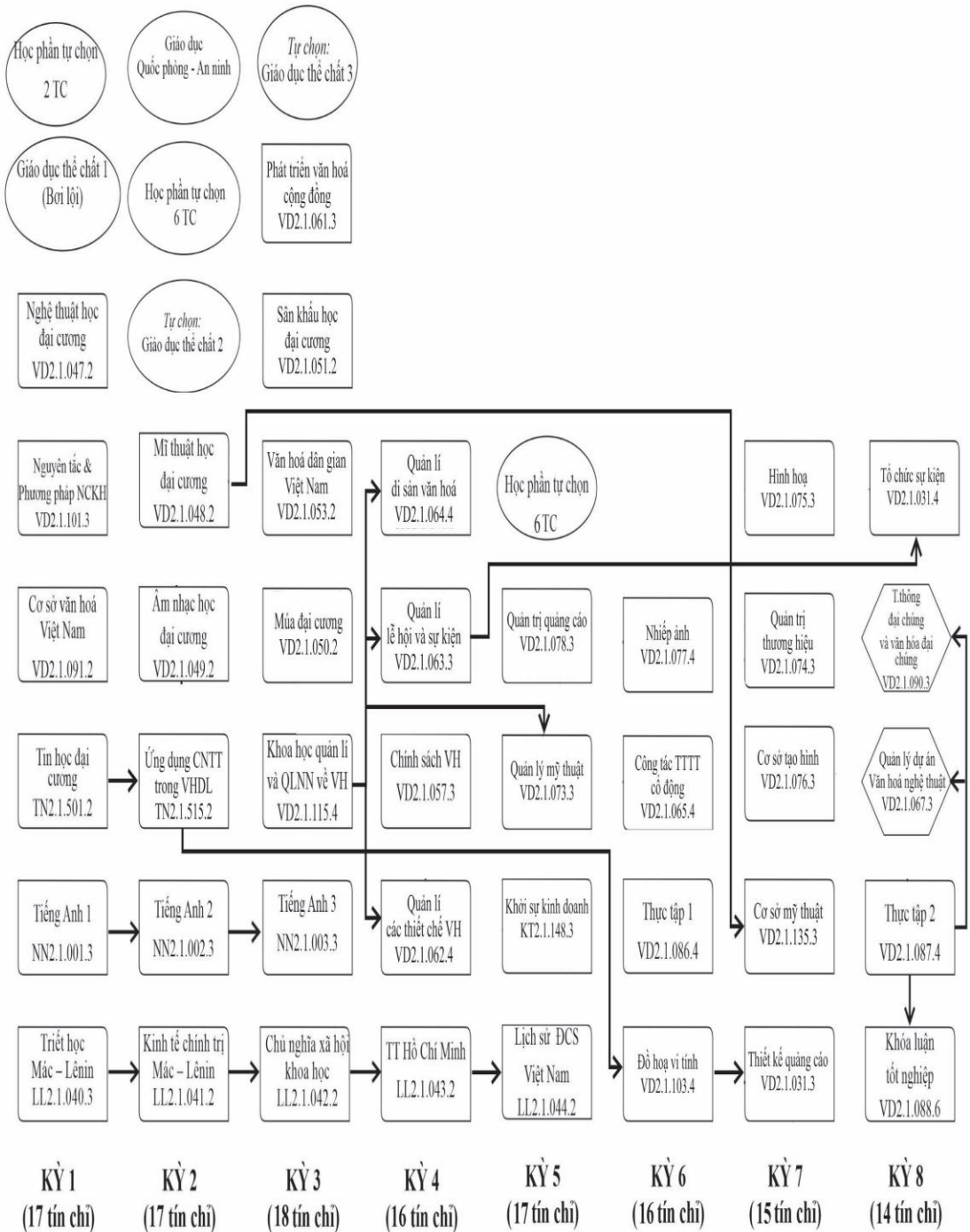
9.5. Bản đồ chương trình dạy học

Bản đồ chương trình dạy học chuyên ngành Quản lý nghệ thuật



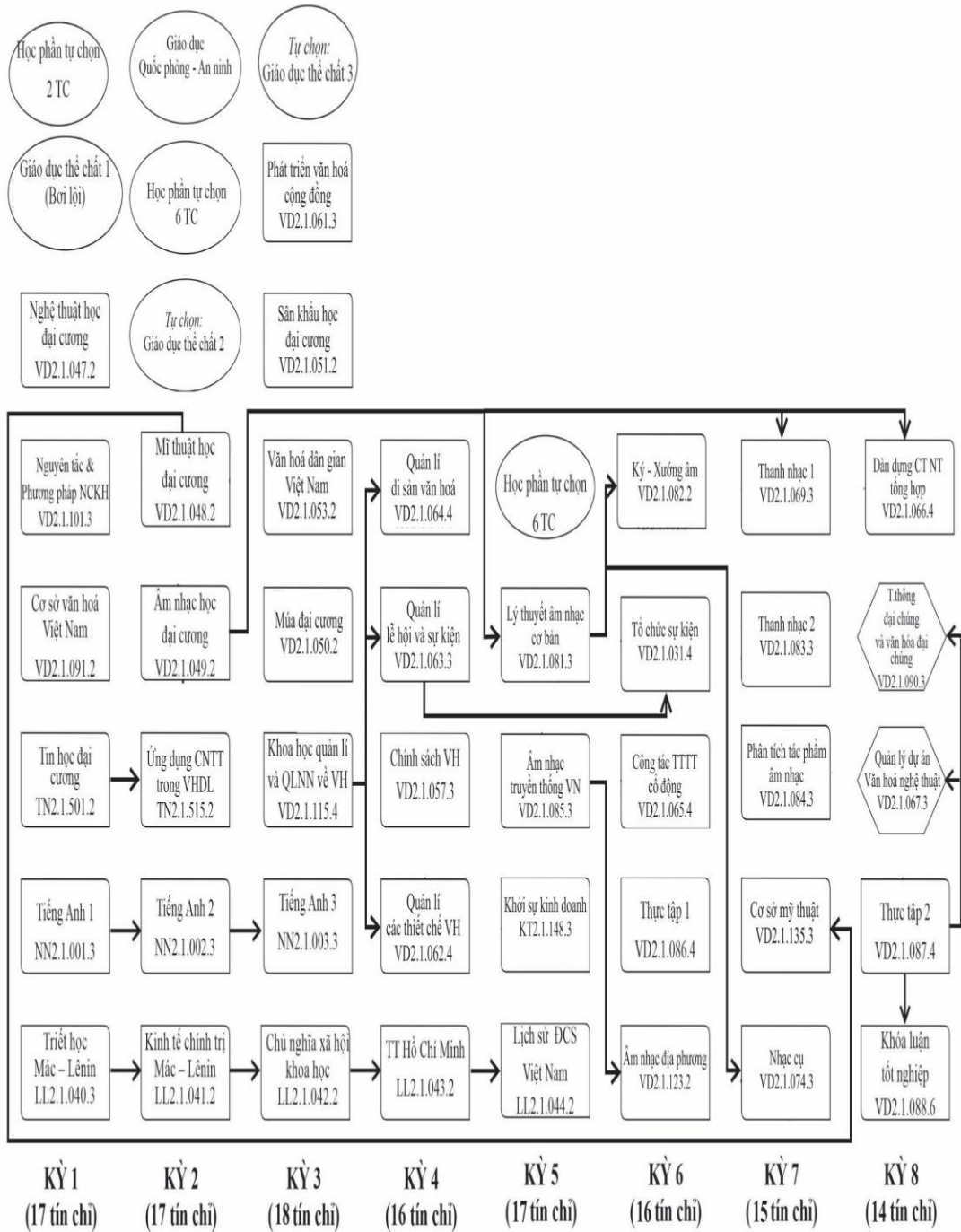
Ghi chú: Các học phần ở góc mũi tên là học phần điều kiện tiên quyết của học phần đầu mũi tên chỉ vào

Bản đồ chương trình dạy học chuyên ngành Quản lý Hoạt động Mĩ thuật - Quảng cáo



Ghi chú: Các học phần ở góc mũi tên là học phần điều kiện tiên quyết của học phần đầu mũi tên chỉ vào

Bản đồ chương trình dạy học chuyên ngành Quản lý Hoạt động âm nhạc



Ghi chú: Các học phần ở góc mũi tên là học phần điều kiện tiên quyết của học phần đầu mũi tên chỉ vào

9.6. Tóm tắt nội dung học phần

9.6.1. Triết học Mác - Lênin: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.6.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

9.6.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

9.6.6. Tiếng Anh 1: 3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất; cấu trúc Be going to, mẫu câu hỏi, động từ khuyết thiếu can/ have to/ must và các chủ đề: Kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, thông tin cá nhân, thời gian rảnh rỗi, người bạn thân nhất; công việc; sở thích cá nhân, kế hoạch trong tương lai, hỏi và trả lời qua điện thoại, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ, nói về năng khiếu và quy tắc trong trường học, mô tả về khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

9.6.7. Tiếng Anh 2: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, thói quen trong quá khứ, các mệnh đề quan hệ; Mô tả, nêu ý kiến về giao thông, du lịch, sức khỏe, thực phẩm và tiền tệ bằng Tiếng Anh.

9.6.8. Tiếng Anh 3: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần tập trung phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề thường gặp như tự nhiên, xã hội, công nghệ và giải trí; nâng cao khả năng mô tả, thảo luận, và đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống.

9.6.9. Tin học đại cương: 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

9.6.10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong văn hóa – du lịch: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương.

Học phần tin học ứng dụng trong du lịch sẽ hành cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về bộ công cụ Microsoft Office (Word, Excel, PowerPoint) để phục vụ hữu ích cho công việc. Khai thác được các nguồn thông tin trên internet phục vụ chuyên ngành. Vận dụng được các ứng dụng của tin học cho chuyên môn như cách quản lý và cài đặt phần mềm đặt tour, phần mềm quản lý khách sạn, nhà hàng, ...

9.6.11. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá

ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh viên với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.

9.6.12. Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này nhằm giáo dục toàn diện người học về đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa – văn nghệ. Quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện những nội dung cơ bản trong đường lối văn hóa - văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn hóa; những thành tựu lớn về xây dựng văn hóa từ trước tới nay; những ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với sự phát triển văn hóa – văn nghệ; phương hướng cụ thể cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

9.6.13. Dân tộc học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản của Dân tộc học, bao gồm: khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu; lịch sử phát triển dân tộc học và những thành tựu của dân tộc học Việt Nam; Chung tộc và vấn đề nguồn gốc loài người; Vấn đề ngữ hệ và các ngữ hệ trên thế giới; Tộc người và tiêu chí xác định tộc người; Các khối cộng đồng tộc người; Xã hội và con người thời nguyên thủy; Một số hình thái tôn giáo sơ khai... tạo tiền đề cho sinh viên có thể lĩnh hội được những kiến thức khoa học khác, thuộc các bộ môn trong ngành khoa học xã hội và nhân văn.

9.6.14. Xã hội học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Xã hội học đại cương là một khởi đầu trong việc tiếp cận Xã hội học. Học phần gồm có 7 bài về các vấn đề như: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; Một số khái niệm cơ bản của Xã hội học; Một số lĩnh vực nghiên cứu của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu của Xã hội học, Cơ cấu xã hội ...

9.6.15. Tâm lý học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức về: Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.6.1.6 Mỹ học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về bản chất của mỹ học, khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, một số vấn đề chung về nghệ thuật như kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, múa, kịch, điện ảnh, văn học.

9.6.17. Lịch sử văn minh thế giới: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khái niệm “văn hoá”, “văn minh” và những yếu tố cấu thành nên văn minh. Phần văn minh phương đông sẽ trình bày thông qua cơ sở hình thành và những thành tựu chính. Phần văn minh

phương Tây trình bày quá trình phát triển của văn minh phương tây qua các thời kỳ lịch sử.

9.6.18. Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội 1): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.19. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.20. Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.21. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.22. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.23. Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.24. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.25. Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.26. Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 1): 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.27. Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.28. Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.29. Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.30. Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.31. Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng tránh chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.32. Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.33. Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.34. Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2): 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.35. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

9.6.36. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.

9.6.37. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

9.6.38. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

9.6.39. Văn hóa dân gian Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về khái niệm văn hóa dân gian, đặc trưng cơ bản của văn hóa dân gian; vai trò, vị trí của văn hóa dân gian trong văn hóa dân tộc; lịch sử nghiên cứu văn hóa dân gian Việt Nam; các thành tố văn hóa dân gian như tín ngưỡng dân gian, nghệ thuật dân gian, ngữ văn dân gian, tri thức dân gian; khái quát đặc điểm của văn hóa dân gian các dân tộc thiểu số tại địa phương.

9.6.40. Mĩ thuật học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần có những kiến thức lí luận cơ bản và về mĩ thuật; các khái niệm, phân loại và đặc trưng các loại hình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa, đồ họa và mĩ thuật ứng dụng.

9.6.41. Âm nhạc học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức khái niệm chung về âm nhạc, âm nhạc học; lược trình phát triển âm nhạc phương Tây qua các thời kỳ như: âm nhạc nguyên thủy, cổ đại, trung đại, cận đại; sự hình thành và phát triển âm nhạc của trường phái Cổ điển Viên, trường phái Lãng mạn; các trào lưu âm nhạc Châu Âu thế kỉ XX; tìm hiểu lược trình âm phát triển âm nhạc phương Đông ở các nước: âm nhạc Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và tìm hiểu âm nhạc khu vực Đông Nam Á qua các thời kì văn hóa; Tìm hiểu khái quát chung về âm nhạc Việt Nam các thời kì lịch sử.

9.6.42. Múa đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa: khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành, phát triển, đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa, vai trò của múa; các động tác múa dân gian của vài dân tộc Việt Nam, một số động tác múa Ba lê, múa hiện đại và một số điệu nhảy phổ thông, phương pháp biên soạn múa phụ họa.

9.6.43. Sân khấu học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm sân khấu, nguồn gốc, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nghệ thuật sân khấu; những thành phần cơ bản và đặc trưng của nghệ thuật sân khấu; tìm hiểu thể tài sân khấu: đặc điểm và đặc trưng của thể tài sân khấu; tìm hiểu hình tượng sân khấu; tìm hiểu các loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam như: nghệ thuật sân khấu Chèo, Tuồng, Cải lương, Múa rối nước và sân khấu Kịch nói Việt Nam, có ý thức tìm hiểu, học tập nghiêm túc, có trách nhiệm bảo tồn, giữ gìn và phát huy nghệ thuật sân khấu truyền thống của dân tộc Việt Nam và nhân loại.

9.6.44. Khoa học quản lý và quản lý nhà nước về văn hóa: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung học phần gồm kiến thức cơ bản về khoa học quản lý và quản lý nhà nước về văn hóa như: Tổng quan về quản lý tổ chức và một số vấn đề lý luận về quản lý văn hóa, Sự phát triển các tư tưởng quản lý, quản lý trong thế kỷ XXI, cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa, các nguyên tắc quản lý, lập kế hoạch, thanh tra, kiểm tra... và một số kinh nghiệm quản lý văn hóa trên thế giới.

9.6.45. Nguyên tắc và Phương pháp NCKH: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các nguyên tắc nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học, thực hiện bài tập nghiên cứu khoa học, nhận xét, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học.

9.6.46. Kỹ năng giao tiếp: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học trang bị cho người học kiến thức về:

- Những vấn đề chung của kỹ năng giao tiếp: khái niệm giao tiếp; khái niệm kỹ năng giao tiếp; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; phát triển kỹ năng giao tiếp trong các loại hình giao tiếp thường gặp.

- Phát triển năng lực kỹ năng giao tiếp và ứng dụng trong giải quyết bài tập tình huống cũng như trong thực tế.

9.6.47. Tiếng Việt thực hành: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần gồm các kiến cơ bản về kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản ; tổng thuật nội dung tài liệu khoa học; yêu cầu dùng từ, câu trong văn bản và chữ viết trong văn bản.

9.6.48. Soạn thảo văn bản quản lý nhà nước: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý và quản lý Nhà nước về văn hóa

Học phần Soạn thảo văn bản quản lý nhà nước gồm 30 tiết (2 tín chỉ) có các nội dung: Đại cương về văn bản quản lý hành chính nhà nước; Hệ thống văn bản quản lý nhà nước và hiệu lực thi hành; Những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản; Văn phong và ngôn ngữ văn bản; Quy trình xây dựng và ban hành văn bản; Soạn thảo văn bản hành chính cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính thông thường.

9.6.49. Hán nôm cơ sở: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về cấu tạo, cách viết, cách đọc chữ Hán, biết được nguồn gốc và sự phát triển của chữ Hán; Thực hành nghiên cứu đọc và minh giải các văn bản Hán Nôm thường gặp.

9.6.50. Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam: Khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo, quan điểm của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin, Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước CHXHCN Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo, các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Kitô giáo), vai trò của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hoá người Việt

9.6.51. Nghệ thuật học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về các loại hình nghệ thuật: kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, múa, kịch, điện ảnh, văn học; Các thành tựu cơ bản của nghệ thuật phương Tây, phương Đông và hiện đại; Các phương pháp sáng tác chủ yếu

của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật, cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

9.6.52. Chính sách văn hóa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý và quản lý nhà nước về văn hóa

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm chính sách văn hoá, vai trò của chính sách văn hóa và cấu trúc cơ bản của chính sách văn hóa quốc gia, các mô hình chính sách văn hóa trên thế giới, phân tích các đặc điểm, ưu điểm, hạn chế và vấn đề thời sự của từng mô hình văn hóa, quá trình phát triển và nội dung của chính sách văn hóa của Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là trong thời kì đổi mới.

9.6.53. Phát triển văn hóa cộng đồng: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động văn hoá cộng đồng như: khái niệm, cơ cấu, đặc điểm của các tổ chức văn hoá cộng đồng tại Việt Nam; các hình thức, phương pháp xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động văn hoá cộng đồng.

9.6.54. Quản lý các thiết chế văn hóa: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý và Quản lý Nhà nước về văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý các thiết chế văn hóa: khái niệm, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ năng tác nghiệp và tổ chức quản lý các thiết chế văn hóa; quản lý các thiết chế văn hóa: nhà văn hoá, câu lạc bộ, các tổ chức biểu diễn nghệ thuật (NT), bảo tàng, triển lãm, thư viện, đình, đền, chùa...; có kỹ năng tổ chức, quản lý các thiết chế văn hóa theo đúng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; biết vận dụng cơ sở lý luận của khoa học quản lý vào quá trình tổ chức, phục vụ và đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân; có ý thức thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức, hoạt động và quản lý các thiết chế văn hóa (TCVH) theo quy định của pháp luật.

9.6.55. Quản lý lễ hội và sự kiện: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: khoa học quản lý và quản lý Nhà nước về văn hóa

Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động tổ chức, quản lý lễ hội, sự kiện; Các tác động khách quan dẫn đến việc hình thành các lễ hội, sự kiện; Đặc trưng lễ hội của từng vùng; Đánh giá cách thức tổ chức và quản lý lễ hội, sự kiện trong giai đoạn hiện nay.

9.6.56. Quản lý di sản văn hóa: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: khoa học quản lý và quản lý Nhà nước về văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm di sản văn hóa; giá trị của các di sản văn hóa, và các di sản văn hóa điển hình ở Tuyên Quang, Việt Nam và thế giới. Những hoạt động quản lý di tích lịch sử, di sản văn hóa; hoạt động tu bổ, phục hồi di tích và nguyên tắc cần tuân thủ trong quá trình thực hiện bảo quản di tích di sản văn hóa.

9.6.57. Công tác thông tin tuyên truyền cổ động: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Sân khấu học đại cương

Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác thông tin tuyên truyền, cổ động: khái niệm công tác thông tin tuyên truyền cổ động; Đặc điểm, một số phương thức thông tin tuyên truyền cổ động ở cơ sở; Nhiệm vụ, nội dung, kỹ năng và nghiệp vụ thực hành của công tác thông tin tuyên truyền cổ động.

9.6.58. Cơ sở mỹ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật học đại cương

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lý thuyết cơ sở mỹ thuật, những luật cơ bản của mỹ thuật, biết cách cầm bút chì, cách gọt bút chì, biết cách diễn đạt sắc độ của bút chì, biết cách vẽ ký họa phong cảnh bằng bút chì. Hiểu được về chất liệu, lịch sử, thực hành được kỹ thuật vẽ màu nước, vẽ bột màu. Hiểu được và biết cách vẽ trang trí các hình cơ bản hình vuông, hình chữ nhật, đường điềm.

9.6.59. Khởi sự kinh doanh: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần tập trung nghiên cứu và phát hiện các hành vi cần thiết để quyết định sẽ kinh doanh cái gì, kinh doanh như thế nào và kinh doanh ở đâu; Lập ra kế hoạch để khởi sự kinh doanh với kết quả là thành lập một doanh nghiệp cụ thể với các hành vi và nhiều quyết định cụ thể về vị trí, quy mô, công nghệ...; Thiết lập các điều kiện cần thiết, xây dựng các chiến lược để đưa doanh nghiệp phát triển

9.6.60. Địa chí văn hóa Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm địa chí văn hóa; giá trị và lịch sử của địa chí văn hóa từng thời kì; cung cấp kiến thức về bổ sung, bảo quản, khai thác và biên soạn địa chí văn hóa; nâng cao sự hiểu biết về vốn di sản văn hóa trong từng vùng, từng địa phương. Đó là điều kiện cần thiết giúp sinh viên hình thành nhân cách công dân Việt Nam trong xu thế hội nhập toàn cầu.

9.6.61. Xã hội học văn hoá: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Xã hội học đại cương

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết sâu sắc, khoa học về lý luận và thực tiễn của ngành xã hội học văn hóa. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên nhận thức được những gì đang và sẽ diễn ra trong đời sống văn hóa xã hội, đi sâu tìm hiểu các vấn đề, hiện tượng văn hóa. Các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu đặc thù của xã hội học trong nghiên cứu những vấn đề văn hoá của xã hội Việt Nam cổ truyền và đương đại.

9.6.62. Công nghiệp văn hóa: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm các ngành công nghiệp văn hóa, quy trình sáng tạo và phân phối các sản phẩm văn hóa, đặc điểm và vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa, bối cảnh và xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của một số nước, phân tích bản chất, đặc điểm và các vấn đề thời sự của một số ngành công nghiệp văn hóa của Việt Nam và thế giới.

9.6.63. Văn hóa gia đình: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm kiến thức những lí luận chung về gia đình; Giá trị cơ bản trong văn hóa gia đình truyền thống Việt Nam; Thực trạng và xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay; Vấn đề đặt ra trong công tác quản lí Nhà nước về lĩnh vực gia đình ở Việt Nam và những cơ sở pháp lí để thực hiện.

9.6.64. Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lí và quản lí Nhà nước về văn hóa.

Học phần bao gồm 3 chương về các nội dung kiến thức, kỹ năng về quản lí nguồn nhân lực, nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật, các đặc trưng của tổ chức văn hóa nghệ thuật, quản lí nguồn nhân lực, vai trò và mục đích sử dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

9.6.65. Giáo dục nghệ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm giáo dục nghệ thuật và giáo dục thông qua các hoạt động nghệ thuật; đối tượng của giáo dục nghệ thuật; chương trình giáo dục nghệ thuật; mục đích, vai trò của giáo dục nghệ thuật; giáo dục nghệ thuật ở một số nước trên thế giới và Việt Nam; mục tiêu, cấu trúc chương trình; quy trình xây dựng chương trình giáo dục nghệ thuật trong một số lĩnh vực nghệ thuật, di sản văn hóa.

9.6.66, 85 Thanh nhạc 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và về kĩ năng cơ bản về thanh nhạc như: hơi thở, khẩu hình, các tư thế khi hát, vị trí âm thanh, các kỹ thuật ca hát, hát chuyển giọng; luyện tập vị trí âm thanh trên các âm khu của giọng; phương pháp ứng dụng các kĩ thuật thanh nhạc; thực hành học hát những bài hát có sắc thái khác nhau.

9.6.67, 80 Lý thuyết âm nhạc cơ bản: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc: cao độ, tiết tấu của âm thanh, tìm hiểu Quãng, Điệu thức và giọng, phân loại họ hàng giữa các giọng, tìm hiểu kiến thức hợp âm, cách nối tiếp hợp âm, hoà thanh bốn bè, hệ thống công năng của hợp âm ba chính, tìm hiểu về đoạn nhạc, câu nhạc, vòng kết; làm nền tảng học các học phần liên quan đến chuyên ngành Quản lý Văn hóa và Quản lý Nghệ thuật.

9.6.68. Quan hệ công chúng: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức và kĩ năng cơ bản về quan hệ công chúng (PR): khái niệm, phân biệt PR với quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền, marketing; chức năng, vai trò của PR; lịch sử ra đời, phát triển của PR; đối tượng công chúng của PR; nguyên lí và phương pháp của PR; các loại hình, công cụ, hoạt động PR; quan hệ PR nội bộ, quan hệ PR cộng đồng; đạo đức nghề nghiệp PR; phẩm chất, năng lực, nhiệm vụ của nhân viên PR.

9.6.69. Gây quỹ và tìm tài trợ: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này trang bị cho người học hệ thống kiến thức, kỹ năng cơ bản về gây quỹ và thu hút tài trợ cho các tổ chức văn hoá nghệ thuật như: khái niệm, nguyên tắc gây quỹ; quy trình phát triển quỹ, điều hành và thực hiện chiến lược gây quỹ; các nguồn, những hình thức gây quỹ và tìm tài trợ. Qua đó, giúp người học hình thành những kỹ năng cơ bản giải quyết các vấn đề, tình huống trong quá trình thực tế, thực hành nghề Quản lý văn hóa.

9.6.70,80 Quản lý mỹ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật học đại cương

Học phần có những kiến thức lí luận cơ bản và về mỹ thuật; các khái niệm, phân loại và đặc trưng các loại hình nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa, đồ họa và mỹ thuật ứng dụng.

9.6.71. Marketing văn hóa nghệ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing và marketing văn hoá nghệ thuật: khái niệm, vai trò và nhiệm vụ, quy trình lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và đánh giá hoạt động marketing trong các đơn vị văn hoá nghệ thuật.

9.6.72,82,92 Tổ chức sự kiện: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Quản lý lễ hội và sự kiện

Học xong học phần này, người học có kiến thức cơ bản về cách thiết kế, tổ chức và sản xuất sự kiện, bao gồm: dự toán ngân sách, lập kế hoạch tổ chức sự kiện, biết cách tính toán thời gian, chiến lược và xây dựng những hoạt động liên quan tới khách mời, địa điểm thời gian, không gian, ăn uống trong tổ chức sự kiện liên quan đến văn hóa, nghệ thuật.

9.6.73.91 Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc học đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp; biết cách tổ chức, xây dựng kịch bản chi tiết một chương trình biểu diễn âm nhạc và thực hành dựng những chương trình biểu diễn âm nhạc có múa phụ họa theo chủ đề.

9.6.74. Quản trị thương hiệu: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị thương hiệu bao gồm những kiến thức cơ bản về thương hiệu: khái niệm thương hiệu; quy trình xây dựng thương hiệu, công cụ quảng bá thương hiệu; chức năng, vai trò của quản trị thương hiệu; các hoạt động xây dựng, quản trị phát triển và khai thác thương hiệu.

9.6.75. Hình họa: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, vai trò của hình họa; yêu cầu của một bài hình họa, các bước tiến hành một bài hình họa; phương pháp vẽ hình họa; khối cơ bản, vai trò của khối cơ bản; thực hành vẽ hình họa.

9.6.76. Cơ sở tạo hình: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức kỹ năng cơ bản về nguyên lý thị giác; yêu cầu của bố cục; định luật của thị giác; hình - nền và đường viền; tương phản và chính phụ; cân giác; nguyên lý hàng lối, cân đối, tự do; không gian khối trên mặt phẳng; thực hiện bài tập tạo hình tổng hợp và phân tích bài tập tạo hình.

9.6.77. Đồ họa vi tính: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về đồ họa; giới thiệu một số phần mềm đồ họa được sử dụng phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới; kỹ thuật sử dụng 02 chương trình đồ họa Corel Draw và Adobe Photoshop.

9.6.78. Nhiếp ảnh: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về nhiếp ảnh; máy ảnh truyền thống và máy ảnh kỹ thuật số; cách xử lý ánh sáng và bố cục; các thể loại ảnh; cách sử dụng phần mềm để xử lý hình ảnh và truyền ảnh qua internet.

9.6.79. Quản trị quảng cáo: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quảng cáo. Các vấn đề về đặc trưng của quảng cáo; khách hàng và hành vi mua sắm của khách hàng; quy trình thực hiện chiến lược quảng cáo.

9.6.81. Thiết kế quảng cáo: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Đồ họa vi tính

Học phần Thiết kế quảng cáo bao gồm những kiến thức cơ bản về thiết kế quảng cáo, quy trình thiết kế quảng cáo, những thành tố của quảng cáo và các loại hình quảng cáo.

9.6.84. Kí – xướng âm: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết âm nhạc cơ bản

Học xong học phần Kí - xướng âm giúp sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về Xướng âm và Ký âm. Có kỹ năng nghe, xướng âm và ghép lời chuẩn xác các bài đơn giản nhịp 2 phách, 3 phách viết ở giọng trưởng, giọng thứ kết hợp gõ đệm theo nhịp

phách các bài xướng âm đơn giản. Vận dụng kiến thức môn học làm nền tảng để học các học phần: Hòa âm, Phân tích tác phẩm âm nhạc, Thanh nhạc, Nhạc cụ...

9.6.86. Thanh nhạc 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và về kỹ năng, kỹ thuật về thanh nhạc, từ đó người học ứng dụng vào thể hiện các ca khúc Việt Nam, bài hát dân ca, ca khúc nước ngoài.

9.6.87. Phân tích tác phẩm âm nhạc: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hình thức âm nhạc, các thể loại âm nhạc qua các tác phẩm âm nhạc.

9.6.88. Nhạc cụ: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết âm nhạc cơ bản

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về Đàn phím điện tử; cách sử dụng Đàn phím điện tử; hiểu được sự cần thiết của kỹ năng sử dụng Đàn phím điện tử trong nghề nghiệp sau này và trong cuộc sống; có ý thức luyện tập tích cực.

9.6.89. Âm nhạc truyền thống Việt Nam: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết Âm nhạc cơ bản

Học phần bao gồm những khái niệm về âm nhạc cổ truyền, âm nhạc truyền thống và âm nhạc dân tộc Việt Nam; tổng quan về nhạc khí và hệ nhạc cụ dân tộc Việt Nam. Một số thể loại dân ca tiêu biểu (hát ru, đồng dao, hát giao duyên, hò, dân ca nghi lễ và phong tục); âm nhạc sân khấu (Chèo, Tuồng, Cải lương); các thể loại ca nhạc cổ truyền (hát xẩm, ca trù, ca Huế, hát Văn...); những nét khái quát về âm nhạc của các vùng dân ca (Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ).

9.6.90. Âm nhạc địa phương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc truyền thống Việt nam

Học phần bao gồm kiến thức về đời sống, kinh tế, văn hóa con người tỉnh Tuyên Quang. Tìm hiểu dân ca của một số dân tộc tỉnh Tuyên Quang như: Hát Then - dân ca Tày; hát Páo Dung - dân ca Dao; hát Sinh ca - dân ca Cao Lan: học hát một số ca khúc viết của tỉnh Tuyên Quang.

9.6.93. Thực tập 1: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần là trải nghiệm của người học đi tìm hiểu tình hình thực tiễn, bước đầu biết vận dụng tổng hợp kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành đã học vào thực tế công việc có liên quan đến nghề nghiệp, hoàn thành đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của cơ sở thực tập cả về mặt chuyên môn nghiệp vụ, kỉ luật lao động và ý thức trách nhiệm.

9.6.94. Thực tập 2: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1

Học phần giúp người học tiếp tục được củng cố và khắc sâu kiến thức ngành và chuyên ngành đã được học, người học tìm hiểu tình hình thực tiễn, trải nghiệm, biết vận dụng tổng hợp kiến thức ngành và chuyên ngành đã học vào thực tế nghề nghiệp, trực tiếp tác nghiệp các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của giảng viên và người hướng dẫn tại cơ sở thực tập, hoàn thành đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của đợt thực tập cả về mặt chuyên môn, kỉ luật lao động và ý thức trách nhiệm.

9.6.95. Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2

Khoá luận tốt nghiệp bao gồm hệ thống những kiến thức mà sinh viên đã học thuộc chuyên ngành Quản lý văn hoá, trong đó, có ba chuyên ngành chuyên sâu mà sinh viên có thể lựa chọn làm đề tài nghiên cứu khoa học: Quản lý Nghệ thuật; Quản lý Mỹ thuật - Quảng cáo; Quản lý hoạt động Âm nhạc. Học phần cung cấp cho sinh viên quy trình thực hành khoá luận tốt nghiệp lần lượt như sau: lựa chọn đề tài - hướng nghiên cứu phù hợp, không trùng lặp; thu thập và xử lý tài liệu; viết báo cáo khoa học và trình bày trước Hội đồng chấm luận án của nhà trường. Học phần chuẩn bị những hành trang cuối cùng cho sinh viên trước khi rời ghế nhà trường.

Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa Văn hóa - Du lịch về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận.

9.6.96. Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Quản lý dự án văn hoá nghệ thuật: xây dựng dự án văn hóa nghệ thuật, lập kế hoạch dự án văn hóa nghệ thuật, quản lý tổ chức thực hiện dự án văn hóa nghệ thuật, tìm hiểu thực tế quản lý dự án văn hóa nghệ thuật ở Tuyên Quang hoặc tỉnh khác.

9.6.97. Truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khái niệm truyền thông đại chúng, văn hóa đại chúng và văn hóa truyền thông đại chúng, đặc điểm, phương tiện, mô hình, quy trình của truyền thông đại chúng, vai trò của truyền thông đại chúng đối với đời sống văn hóa xã hội, quản lý của Nhà nước đối với hệ thống truyền thông đại chúng; Quá trình hình thành văn hóa đại chúng, đặc điểm, chức năng, vai trò của văn hóa đại chúng đối với đời sống văn hóa xã hội, truyền thông đại chúng và văn hóa đại chúng ở Việt Nam.

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa năm 2022 đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo với các trường đại học trong nước làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình đào tạo gồm có:

- a. Về thời gian đào tạo của các trường đều kéo dài 04 năm, chia làm 08 học kỳ.
- b. Tổng số kiến thức toàn khóa (không tính Giáo dục thể chất; Quốc phòng An ninh)
 - Trường Đại học Vinh (125 tín chỉ)
 - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (125 tín chỉ)

Trong quá trình đối sánh cho thấy các CTĐT ngành Quản lý văn hóa trong nước có số tín chỉ không có sự khác biệt nhiều, phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời cũng cho thấy CTĐT của trường Đại học Tân Trào có tỷ lệ tương đồng khoảng trên 50% với các chương trình đào tạo cùng ngành. Tuy nhiên, số lượng tín chỉ và các học phần có sự chênh lệch do phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình, xây dựng các chuyên ngành trong chương trình đào tạo và đặc thù chương trình gắn với sự khác biệt trong khu vực, vùng, miền.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa đã được rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch của trường Đại học Tân Trào, từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 9 năm 2022 khi tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Được phê duyệt và ban hành vào tháng 9 năm 2022 theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào (theo Quyết định).